TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2019/DS-ST
Ngày 07/05/2019.
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự về đòi lại tiền đặt cọc".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo.**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Trần Huy Liệu.**

- Ông **Cao Phước Nghĩa.**

***Thư ký phiên tòa*:** Ông **Đặng Thanh Sang** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất: Ông **Nguyễn Minh Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 05 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 225/2018/TLST-DS, ngày 16/11/2018về vụ "Tranh chấp hợp đồng về đòi lại tiền đặt cọc", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-DS, ngày 12/03/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-DS ngày 10/4/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu O**, sinh năm: 1955. Địa chỉ: Số 300, ấp BTh, xã BS, huyện HĐ, tỉnh K G.

* Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Bích Ng**, sinh năm: 1993 và anh **Lê Hoàng T**, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Tổ 2, khu phố ĐD, thị trấn H Đ, huyện H Đ, tỉnh K G.

(Bà O có mặt; chị Ng và anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu O khai nhận như sau:***

Giữa bà Nguyễn Thị Thu O và vợ chồng anh Lê Hoàng T, chị Nguyễn Thị Bích Ng có thỏa thuận hợp đồng mua bán ghe, máy. Khi mua bán hai bên có làm giấy thỏa thuận mua bán ghe, máy vào ngày 11/8/2019, với giá 90.000.000 đồng. Bà O đã đưa tiền cọc mua ghe, máy cho anh T, chị Ng 02 lần: lần thứ nhất là 5.000.000 đồng (bà không nhớ ngày, tháng cụ thể), lần thứ hai là 50.000.000 đồng vào ngày 11/8/2018, tổng cộng là 55.000.000 đồng và hẹn trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng (ngày 11/8/2018) bà O sẽ trả số tiền còn lại là 35.000.000 đồng để lấy ghe, máy. Đến hẹn bà O đến giao tiền để lấy ghe, máy thì anh T, chị Ng không giao ghe, máy cho bà và cho biết là ghe máy bị người khác lấy để xiết nợ. Nay bà yêu cầu chị Ng, anh Ttrả lại tiền đặt cọc cho bà là 55.000.000 đồng. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì thêm.

**** Bị đơn anh Lê Hoàng T và chị Nguyễn Thị Bích Ng trình bày như sau:*** Anh chị thừa nhận ngày 11/8/2018 vợ chồng anh chị có thỏa thuận bán cho bà O 01 chiếc ghe, máy. Loại ghe mũi chài dài 15m, ngang 3,6m và 01 máy thủy hiệu IUZU cùng dụng cụ bên trong ghe gồm: 01 cây đòn dài và 02 cây neo. Khi mua bán hai bên có lập giấy thỏa thuận mua bán ghe, máy ngày 11/8/2018 (dương lịch), với giá là 90.00.000 đồng. Bà O đã đưa cho anh chị số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng. Còn lại số tiền 40.000.000 đồng thì hẹn trong thời hạn 30 ngày (kể từ ngày ký hợp đồng) bà O sẽ giao cho anh chị để lấy ghe, máy và bà O phải chịu thêm 2.000.000 đồng tiền lãi cho số tiền 40.000.000 đồng còn lại. Đến hẹn như thỏa thuận bà O không đến trả tiền để lấy ghe, máy nên anh chị đã bán ghe, máy cho người khác. Nay bà O yêu cầu vợ chồng anh chị trả lại số tiền cọc 55.000.000 đồng thì anh chị không đồng ý trả. Ngoài ra, anh chị không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa: Bà O xin rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền cọc 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Bà Chỉ yêu cầu anh T, chị Ng trả cho bà số tiền đặt cọc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) theo giấy thỏa thuận ngày 11/8/2018.

Đại diện VKSND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: Ông Nguyễn Minh Hậu trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo tố tụng: Việc tòa án xác định quan hệ tranh chấp và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện tốt các quyền cũng như nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu O. Buộc anh Lê Hoàng T và chị Nguyễn Thị Bích Ng phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu O số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Đình chỉ xét xử 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà O đối với số tiền đặt cọc 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Buộc anh T, chị Ng phải chịu án phí giá ngạch theo quy định của pháp luật. Trả lại cho bà O số tiền án phí đã tạm ứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Mặc dù giữa bà Nguyễn Thị Thu Ovới anh Lê Hoàng T, chị Nguyễn Thị Bích Ng có làm giấy thỏa thuận mua bán ghe, máy nhưng bà O không tranh chấp hợp đồng mua bán ghe, máy mà chỉ yêu cầu anh T, chị Ng trả số tiền đặt cọc 55.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định đặt cọc là giao dịch dân sự nhằm thực hiện hợp đồng mua bán ghe, máy. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ Luật dân sự 2015 xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng dân sự về đòi lại tiền đặt cọc". Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Ng và anh T là bị đơn trong vụ án đã được triệu hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Ng và anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của bà O đòi lại số tiền đặt cọc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng mua bán ghe, máy giữa bà Nguyễn Thị Thu O với vợ chồng anh Lê Hoàng T, chị Nguyễn Thị Bích Ng là có thật, được 02 bên thừa nhận và thể hiện qua giấy thỏa thuận mua bán ghe, máy ngày 11/8/2018 (bút lục 03). Việc đặt cọc nhằm mục đích để đảm bảo thực hiện hợp đồng mua bán ghe, máy. Tuy nhiên, việc không thực hiện được hợp đồng là do chị Ng và anh T đã bán ghe, máy cho người khác. Vì chị Ng và anh T cho rằng đến hạn như thỏa thuận bà O không đến giao số tiền còn lại để lấy ghe, máy. Anh chị đã gọi điện cho bà O để thông báo việc bà O không giao tiền đúng hẹn thì xem như bà O bỏ tiền cọc nhưng bà O không có ý kiến gì nên anh chị đã bán ghe, máy cho người khác. Để chứng minh cho lời khai của mình là đúng sự thật thì anh T, chị Ng khai nhận có ghi âm lại cuộc gọi của anh T cho bà O ngày 12/9/2018 (dương lịch) tức là sau ngày đến hạn như giấy thỏa thuận. Tòa án đã ra thông báo cho anh T, chị Ng cung cấp chứng cứ là đoạn ghi âm nhưng hết thời hạn thông báo chị Ng và anh T không cung cấp đoạn ghi âm giữa anh T với bà O cho Tòa án. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của anh T và chị Ng là không có cơ sở. Mặc khác, tại giấy thỏa thuận mua bán ghe, máy ngày 11/8/2018 giữa bà O và vợ chồng anh T, chị Ng cũng không có nội dung nào thể hiện việc mất tiền cọc. Cho nên chị Ng và anh T là người có lỗi trong việc làm cho hợp đồng mua bán ghe máy không thực hiện được. Từ những cơ sở và nhận định trên cần buộc anh T và chị Ng phải trả cho bà O số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu).

Xét việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà O là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đình chỉ xét xử 1 phần yêu cầu khởi kiện của bà O đối với số tiền đặt cọc 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch:

Án phí được tính như sau: 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng. Buộc anh Lê Hoàng T và chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu.

Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Thu O.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 328 Bộ Luật dân sự 2015.

- Căn Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu O.

Buộc anh Lê Hoàng T và chị Nguyễn Thị Bích Ng phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu O số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà O cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng anh T, chị Ng còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

2/ Đình chỉ xét xử 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền đặt cọc 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

3/ Về án dân sự giá ngạch: Buộc anh Lê Hoàng T và chị Nguyễn Thị Bích Ng phải chịu là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu O số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.375.000 đồng theo biên lai thu số: 0009207, ngày 29/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

4/ Quyền kháng cáo: Bà O có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T, chị Ng có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niên yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hòn Đất;
- UBND xã;
- CCTHADS;
- Đương sự;
- Lưu.

Lê Thị Thanh Thảo